

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2022/DS-ST
Ngày 20/01/2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Như Quang

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Vương Tấn Lập, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 207/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2021/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Hoàng Văn L** và bà **Đinh Thị T**

Địa chỉ: Thôn O Pêch, xã Ia P, huyện Ia, tỉnh G.

2. *Bị đơn:* Bà **Trần Thị C.**

Địa chỉ: Thôn O P, xã Ia P, huyện Ia, tỉnh G.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Hoàng Văn L và bà Đinh Thị T trình bày: Ngày 21/10/2018 ông, bà cho bà Trần Thị C vay số tiền 200.000.000đ với thời hạn 06 tháng, thỏa thuận lãi suất là 18%/năm. Ngày 21/4/2019 bà C trả cho ông, bà được 18.000.000đ tiền lãi, tiếp đến ngày 16/11/2019 bà Cúc trả 9.000.000đ tiền lãi và 100.000.000đ tiền gốc. Số tiền gốc 100.000.000đ còn lại ông, bà đi đòi nhiều lần nhưng bà Cúc không chịu trả. Ngày 24/01/2020 bà C viết giấy hẹn nợ với nội dung: Bà C công nhận còn nợ của ông, bà 100.000.000đ và hẹn đến ngày 21/11/2020 sẽ trả số tiền trên, nếu sai bà C chịu trách

nhiệm trước pháp luật. Tuy nhiên đến hẹn, bà C vẫn không thực hiện việc trả số nợ gốc còn lại là 100.000.000đ cho ông, bà mà còn thách thức. Do vậy ông, bà khởi kiện yêu cầu bà C phải trả số tiền gốc còn lại là 100.000.000đ và tiền lãi đã thỏa thuận theo quy định của pháp luật.

- *Bà Trần Thị C trình bày:* Ngày 21/10/2018 bà có vay của ông L và bà T 200.000.000đ với thỏa thuận lãi suất là 18%/năm với thời hạn vay là 06 tháng. Tính đến ngày 16/11/2019 bà C đã trả cho ông L và bà T được nhiều lần được 27.000.000đ tiền lãi và 100.000.000đ tiền gốc. Ngày 24/01/2020 tại nhà bà, ông L đi đòi hỏi thúc bà nhiều lần nên bà và ông L thỏa thuận: số nợ còn lại 100.000.000đ tiền gốc, bà hẹn ông L đến ngày 21/11/2020 sẽ trả và ông L đã đồng ý. Tuy nhiên sau này bà mới nhớ ra là đã cho ông L lập mượn 60.000.000đ vào ngày 30/10/2018, bà đề nghị cản trừ nhưng thời điểm bà đưa ra đề nghị tại phiên hòa giải của Tòa án nên không được chấp nhận. Do vậy đối với số tiền này bà sẽ khởi kiện ông L và bà T trong vụ án khác. Còn số nợ này bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết để đảm bảo quyền lợi cho bà.

Phát biểu quan điểm, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án.

Về nội dung, đề nghị áp dụng các điều 280, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 100.000.000đ tiền gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải chịu chi phí giám định và án phí dân sự sơ thẩm, trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền nợ gốc và tiền nợ lãi đã vay theo thỏa thuận. Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Tài liệu nguyên đơn giao nộp gồm tờ giấy có tiêu đề “Giấy nhận tiền” lập ngày 21/10/2018 có chữ ký tên “người vay Trần Thị C” thể hiện: Ông L và bà T đã cho bà C vay số tiền 200.000.000đ vào ngày 21/10/2018 với thời hạn vay là 06 tháng. Lãi suất không ghi rõ nhưng các bên đều thừa nhận họ có thỏa thuận tiền lãi là 18%/năm trên nợ gốc. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà C đã trả lãi đến ngày 16/11/2019 là 27.000.000đ và trả tiền nợ gốc là 100.000.000đ. Do vậy đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi theo quy định các điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự. Khi đến hạn trả nợ nhưng bà C vẫn không chịu trả, sau nhiều lần đi đòi nợ, ngày 24/01/2020 các đương sự thống nhất thỏa thuận và được ghi vào mặt sau của tờ giấy “Giấy nhận tiền” như sau: bà C còn nợ ông L 100.000.000đ hẹn đến ngày 21/11/2020 hoàn trả lại cho

ông L, nếu sai bà C chịu trách nhiệm trước pháp luật. Như vậy việc thỏa thuận ngày 24/01/2020 về thời gian trả số tiền nợ gốc còn lại giữa các đương sự được coi là thay thế thỏa thuận ngày 21/10/2018. Do vậy khi đến hạn (ngày 21/11/2020) bà C không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền gốc 100.000.000đ còn lại cho ông L và bà T như đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ dân sự đã cam kết, nên ngày 17/12/2020 ông Lập và bà Thơ kiện đòi bà C phải trả số tiền gốc 100.000.000đ là có căn cứ pháp luật.

[3]. Về yêu cầu đòi tiền lãi:

Xét thỏa thuận ngày 24/01/2020 giữa các đương sự là không có lãi theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự. Do vậy khi đến hạn ngày 21/11/2020 ông L và bà T có quyền yêu cầu trả tiền lãi theo quy định của pháp luật với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Cụ thể bà C phải trả tiền lãi như sau: $100.000.000\text{đ} \times 10\%/năm \times \text{thời gian chậm trả (từ ngày 22/11/2020 đến ngày 20/01/2022)} = 11.643.853\text{đ}$.

[4]. Xét ý kiến của bị đơn đề nghị cản trừ số tiền nợ mà bị đơn cho rằng đã cho nguyên đơn vay trước đó. Hội đồng xét xử thấy rằng, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 28/10/2021 bị đơn mới xuất trình thêm tài liệu để chứng minh việc bị đơn cho nguyên đơn vay tiền, đồng thời yêu cầu Tòa án xem xét để cản trừ nợ. Do vậy đề nghị này được xem là yêu cầu phản tố của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuy nhiên do bị đơn đưa ra yêu cầu phản tố tại thời điểm diễn ra phiên họp phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên căn cứ vào khoản 3 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không chấp nhận. Bị đơn có quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[5]. Về chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có xuất trình tài liệu để chứng minh nguyên đơn có mượn của nguyên đơn số tiền 310.000.000đ vào ngày 11/12/2019, nhưng bị đơn cho rằng số tiền này vay vào năm 2016 để đáo hạn Ngân hàng và đã trả ngay sau đó, đồng thời có yêu cầu giám định chữ viết có sự tẩy xóa của bị đơn. Tại Kết luận giám định số 70/C09C-Đ2 ngày 25/8/2021 của Viện khoa học Hình sự - Phân viện KHHS tại TP.Đà Nẵng đã kết luận: tài liệu bị đơn xuất trình có việc tẩy xóa để ghi đè lại ngày, tháng, năm. Sau khi có Kết luận giám định, bị đơn đã thừa nhận việc khởi kiện của nguyên đơn là đúng. Do vậy căn cứ vào Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn 5.000.000đ chi phí giám định.

[6]. Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định là $111.643.853\text{đ} \times 5\% = 5.582.192\text{đ}$.

Nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho nguyên đơn toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 161 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 463, 466, và 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Buộc bà Trần Thị C phải trả cho ông Hoàng Văn L và bà Đinh Thị T 100.000.000đ tiền nợ gốc và 11.643.853đ tiền lãi, tổng cộng là **111.643.853đ** (một trăm mười một triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm năm mươi ba đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí giám định: Bà Trần Thị C phải hoàn trả cho ông Hoàng Văn L và bà Đinh Thị T **5.000.000đ** (năm triệu đồng).

3. Về án phí:

Bà Trần Thị C phải chịu **5.582.192đ** (năm triệu năm trăm tám mươi hai nghìn một trăm chín mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Trả lại cho ông Hoàng Văn L và bà Đinh Thị T số tiền tạm nộp án phí là **2.950.000đ** (chín triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng) theo biên lai thu số 0011798 ngày 25/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

–

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Như Quang

Nguyễn Thị Mỹ

Đặng Chí Công